

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2022/DS-ST
Ngày: 22 - 6- 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Thành phố H tham gia phiên Tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty D

Địa chỉ: 35 Đường T, phường B, Quận M, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn Thanh, địa chỉ: 115/17 Đường X, Phường Y, quận P, Thành phố H; là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc Tổng Công ty D)

Ông Nguyễn Văn Dũng, chức vụ: Đội phó Đội Quản lý thu ghi, Chi nhánh Tổng công ty D - Công ty D; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2843/UQ-PCHM ngày 28/7/2020) (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 5/6D ấp T, xã H, huyện M, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà A ký Hợp đồng Mua bán điện số 12007155 ngày 06/12/2012 với Tổng Công ty D, hai bên thỏa thuận mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt tại địa chỉ 5/6D ấp

T, xã H, huyện M, Thành phố H (Mã khách hàng: PE08000264147). Trong quá trình sử dụng điện, bà A còn nợ số tiền 3.803.050 đồng của các kỳ hóa đơn tháng 3,4,5,6/2021. Đến nay bà A chưa thanh toán số tiền trên nên Tổng Công ty D khởi kiện, yêu cầu bà A phải thanh toán số tiền 3.803.050 đồng.

Bị đơn: Bà A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà A phải thanh toán ngay số tiền còn nợ của các kỳ hóa đơn với tổng số tiền là 3.803.050 đồng. Theo các hóa đơn đã phát hành thì số tiền này là của các kỳ hóa đơn tháng 2,3,4,5/2021 chứ không phải kỳ hóa đơn tháng 3,4,5,6/2021 nhưng do trong quá trình đánh máy đơn khởi kiện và bản tự khai bên nguyên đơn có sai sót trong đánh máy nên tại phiên tòa nguyên đơn đính chính lại nội dung này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện M, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua điện sinh hoạt còn nợ theo hợp đồng mua bán điện; Bị đơn đang cư trú tại huyện M. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, Tp.H.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: bà A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua điện sinh hoạt còn nợ tổng cộng là 3.803.050 đồng, bị đơn không có ý kiến phản hồi nên trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự trong vụ án này được thực hiện từ 06 tháng 12 năm 2012 đến nay nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: “Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án này.

[2.2] Căn cứ hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 12007155 ngày 06/12/2012, giữa Tổng Công ty D và bà A, mã khách hàng PE08000264147, có căn cứ xác định Tổng Công ty D đã cung cấp điện sinh hoạt cho bà A tại địa chỉ 5/6D ấp T, xã H, huyện M, Thành phố H. Theo thỏa thuận tại Điều 11 của hợp đồng thì hợp đồng có hiệu lực kể từ 06 tháng 12 năm 2012 đến ngày 06 tháng 12 năm 2017 và được gia hạn thêm 05 năm nếu hai bên không có yêu cầu sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng và giữa hai bên chưa có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt hợp đồng nên hợp đồng này đang có hiệu lực pháp luật. Giao kết giữa các bên phù hợp quy định tại các Điều 430, 431, 433, 434, 435 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 22 Luật điện lực.

[2.3] Căn cứ các hóa đơn tiền điện: số 4952613 kỳ hóa đơn tháng 2/2021, số tiền 1.028.720 đồng, số 5121708 kỳ hóa đơn tháng 3/2021, số tiền 1.101.894 đồng, số 5291713 kỳ hóa đơn tháng 4/2021, số tiền 1.354.067 đồng, số 5462405 kỳ hóa đơn tháng 5/2021 số tiền 318.369 đồng do Tổng Công ty D phát hành, có đủ cơ sở xác định bà A còn nợ Tổng Công ty D số tiền sử dụng điện là 3.803.050 đồng và đến nay bà A chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 23 của Luật điện lực.

[2.4] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”. Bị đơn bà A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh nên phải tự chịu trách nhiệm.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 433, 434, 435, 440, 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 22 và khoản 1 Điều 23 của Luật điện lực;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty D.

Buộc bà A phải thanh toán cho Tổng Công ty D tiền điện còn nợ của các kỳ hóa đơn tháng 2,3,4,5/2021 với tổng số tiền là 3.803.050 đồng, theo hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 12007155 ngày 06/12/2012 giữa Tổng Công ty D và bà A.

Kể từ ngày Tổng Công ty D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà A chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà A phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn lại cho Tổng Công ty D 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0038265 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND huyện M, TP. H;
- Chi cục THADS huyện M, TP. H;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Oanh

